






































## BẢNG GIÁ SỈ MÁY CÔNG CỤ

(10/02/2019)

	Mã hàng	Thông số	Đóng gói	Giá bán
	MMA-200ES 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 2.5 * Trọng lượng: 4.45 kg	4	1.400.000
	MMA-200E Pro 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 2.5 – 3.2 * Trọng lượng: 5.2 kg	4	1.306.000
	MMA-200F Pro 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 2.5 – 3.2 * Trọng lượng: 6.2 kg	4	1.393.000
	MMA-200 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 65V * Que hàn: Ø 3.2- 4.0 * Trọng lượng: 8.7kg	3	2.193.000
	MMA-250 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 4.0 * Trọng lượng: 9.3 kg	3	2.550.000
	MMA-1626 	<b>Máy hàn ĐIỆN THỂ THẤP</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 3.2 * Điện áp 160V -260V * Trọng lượng: 8.2 kg	3	1.805.000
	MMA-315 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -300A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 5.0 * Trọng lượng: 14.5 kg	1	3.650.000

	MMA-200A 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 3.2 -4.0 * Trọng lượng: 5.5 kg	3	1.657.000
	MMA-250A 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -250A * Điện thế ra: DC 45V * Que hàn: Ø 3.2 -4.0 * Trọng lượng: 6.2 kg	3	1.894.000
	TIG/MMA-200E 	<b>Máy hàn TIG/ARC</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 3.2-4.0 * Trọng lượng: 10 kg	 2	2.882.000
	MIG/MMA 250B 	<b>Máy hàn Cuộn dây CO2</b> * Điện áp: 220V – 1Pha * Dòng điện ra: 40 -200A * Điện thế ra: DC 45V * Dây hàn CO2: 1.0mm * Trọng lượng: 18.5 kg	1	6.898.000
	MMA-200J2 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 3.2 * Trọng lượng: 7.3 kg	 3	1.810.000
	MMA-200J3 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 4.0 * Trọng lượng: 8.2 kg	 3	2.236.000
	MMA-250J3 	<b>Máy hàn Inverter</b> * Dòng điện ra: 20 -200A * Điện thế ra: DC 60V * Que hàn: Ø 5.0 * Trọng lượng: 8.6 kg	 3	2.650.000
	CUT-40J 	<b>Máy cắt lazer 40</b> * Điện áp: 220V – 1Pha * Dòng điện ra: 40A * Khả năng cắt : 1 -12mm * Trọng lượng: 8.5 kg	1	3.596.000
	CUT-60J 	<b>Máy cắt lazer 60</b> * Điện áp: 220V – 1Pha * Dòng điện ra: 40A * Khả năng cắt : 1 -15mm * Trọng lượng: 9.5 kg	1	7.505.000





	MIG/MMA 200 Pro 	<b>Máy hàn Cuộn dây CO2</b> * Điện áp: 220V – 1Pha * Dòng điện ra: 40 -200A * Điện thế ra: DC 45V * Dây hàn CO2: 0.8mm * Trọng lượng: 13.5 kg	1	<b>5.103.000</b>
	MIG/MMA 350 	<b>Máy hàn CO2 (công nghiệp)</b> * Điện áp: 220V – 1Pha * Dòng điện ra: 40 -200A * Điện thế ra: DC 45V * Dây hàn CO2: 1.2mm * Trọng lượng: 20.5 kg	1	<b>14.500.000</b>
	BT300IH	Kềm hàn 300A (mạ đồng)	10	<b>35.000</b>
	BT300BH	Kềm hàn 300A (đồng)	10	<b>69.000</b>
	BT500IH	Kềm hàn 500A (mạ đồng)	10	<b>37.000</b>
	BT500BH	Kềm hàn 500A (đồng)	10	<b>50.000</b>
	BT300CI	Kẹp mát 300A (mạ đồng)	10	<b>21.000</b>
	BT500CI	Kẹp mát 500A (đồng)	10	<b>28.000</b>
	BT10-25S	Đầu nối cáp hàn 10-25 âm (-)	20	<b>8.000</b>
	BT10-25P	Đầu nối cáp hàn 10-25 dương (+)	20	<b>8.000</b>
	BT35-50S	Đầu nối cáp hàn 35-50 âm (-)	10	<b>19.000</b>
	BT35-50P	Đầu nối cáp hàn 35-50 dương (+)	10	<b>19.000</b>

	BT2024F (24 lít)	<b>Máy nén khí (giảm ồn)</b> * Áp suất khí nén: 8bar * Lưu lượng khí nén: 102L/P * Thể tích bình khí: 24L * Xilanh: 63.7x2 * Công suất: 600W * Trọng lượng: 18.1 kg	1	<b>2.184.000</b>
	BT2030F (30 lít)	<b>Máy nén khí (nén nhanh)</b> * Áp suất khí nén: 8bar * Lưu lượng khí nén: 110L/P * Thể tích bình khí: 30L * Xilanh: 67.3x2 * Công suất: 1500W * Trọng lượng: 19.2kg	1	<b>2.365.000</b>
	BT2024 (24 lít)	<b>Máy nén khí (đầu liền)</b> * Áp suất khí nén: 8bar * Lưu lượng khí nén: 147L/P * Thể tích bình khí: 24L * Xilanh: 42 x 1 * Công suất: 2.0HP * Trọng lượng: 24 kg	1	<b>1.948.000</b>
	BT3030 (30 lít)	<b>Máy nén (đầu liền)</b> * Áp suất khí nén: 8bar * Lưu lượng khí nén: 170L/P * Thể tích bình khí: 30L * Xilanh: 47x1 * Công suất: 3.0HP * Trọng lượng: 27kg	1	<b>2.140.000</b>
	BT12V	<b>Máy khoan pin</b> Đường kính mũi: 10mm Dung lượng pin: 12V/1.5Ah Tốc độ không tải: 0-650 v/p	10	<b>746.000</b>
	BT16V	<b>Máy khoan pin</b> Đường kính mũi: 10mm Dung lượng pin: 16V/1.5Ah Tốc độ không tải: 0-650 v/p	5	<b>1.207.000</b>
	BT2105	<b>Máy vặn vít dùng điện</b> Đường kính mũi: 10mm Công suất: 280W Tốc độ không tải: 0-750 v/p	10	<b>416.000</b>
	BT2232	<b>Máy khoan</b> Đường kính mũi: 6.5mm Công suất: 400W Tốc độ không tải: 0-2600 v/p	10	<b>412.000</b>
	BT2021	<b>Máy khoan</b> Đường kính mũi: 10mm Công suất: 440W Tốc độ không tải: 0-3100 v/p	10	<b>526.000</b>

	BT6025	<b>Máy khoan</b> Đường kính mũi: 13mm Công suất: 750W Tốc độ không tải: 0-3000 v/p	10	<b>661.000</b>
	BT28DE	<b>Máy khoan búa</b> Đường kính mũi: 28mm Công suất: 850W Tốc độ không tải: 1300 v/p <b>(Đầu nhôm hợp kim)</b>	5	<b>1.345.000</b>
	BT8290	<b>Máy khoan búa</b> Đường kính mũi: 26mm Công suất: 1010W Tốc độ không tải: 800 v/p	4	<b>1.504.000</b>
	BT8426	<b>Máy đục</b> Đường kính mũi: 17mm Công suất: 1300W Tốc độ không tải: 0-500 v/p	2	<b>1.783.000</b>
	BT0810	<b>Máy đục</b> Đường kính mũi: 17mm Công suất: 1300W Tốc độ không tải: 0-500 v/p	2	<b>1.409.000</b>
	BT8812	<b>Máy đục</b> Đường kính mũi: 30mm Công suất: 1300W Tốc độ không tải: 0-500 v/p	1	<b>4.033.000</b>
	BT1045	<b>Máy mài</b> Đường kính đĩa: 100mm Công suất: 750W Tốc độ không tải: 12000 v/p	10	<b>552.000</b>
	BT1038	<b>Máy mài</b> Đường kính đĩa: 100mm Công suất: 1100W Tốc độ không tải: 11000 v/p	6	<b>724.000</b>
	BT4012	<b>Máy cắt gạch</b> Đường kính đĩa: 110mm Công suất: 1300W Tốc độ không tải: 13000 v/p	4	<b>770.000</b>
	BT7013	<b>Máy cưa gỗ</b> Đường kính đĩa: 185mm Công suất: 1400W Tốc độ không tải: 5000 v/p	4	<b>1.080.000</b>
	BT6205	<b>Máy dằm dùi</b> Chiều dài dằm dùi: 1m Rated Input Power 960W	10	<b>741.000</b>



	BT6016	<b>Máy quậy sơn</b> * Công suất: 850W * Mũi khoan: Ø 16mm * Cần quậy: 50 cm	5	<b>817.000</b>
	BT700D	<b>Máy chà tường</b> Đường kính đế chà: 180mm Công suất: 850W Điều chỉnh tốc độ điện tử	4	<b>1.178.000</b>
	BT23-800	<b>Máy phun sơn</b> - Công suất: 600W - Dung tích bình chứa sơn: 1000ml - Lưu lượng tối đa: 0-1200mm/p - Lượng nhớt tối đa: 85-100din/giây - Vòi phun: Ø2.6mm	6	<b>607.000</b>
	BT27-800	<b>Máy phun sơn</b> - Công suất: 600W - Dung tích bình chứa sơn: 1000ml - Lưu lượng tối đa: 0-1200mm/p - Độ nhớt tối đa: 85-100din/giây - Vòi phun: Ø2.6mm	6	<b>674.000</b>
	BT16-18V	<b>Máy phun sơn</b> - Công suất: - Lưu lượng tối đa: 600ml/phút - Độ nhớt tối đa: 85-100din/giây - Vòi phun: Ø2.2mm - Pin: 18V 2000mAh	4	<b>1.258.000</b>
	BT5305	<b>Máy thổi và hút (2 chức năng)</b> Lưu lượng: 3.5m <sup>3</sup> Công suất: 650W Tốc độ không tải: 0-15000 v/p	4	<b>717.000</b>
	BT357	<b>Máy cắt sắt (dây đồng)</b> Đường kính đĩa: 355mm Công suất: 2000W Tốc độ không tải: 3750v/p	1	<b>1.460.000</b>
	BT105C	<b>Máy cắt đa năng</b> Đường kính đĩa: 255mm Công suất: 1500W Tốc độ không tải: 6000v/p	1	<b>1.864.000</b>
	BT1030	<b>Máy cắt đa năng (thanh trượt)</b> Đường kính đĩa: 255mm Công suất: 2000W Tốc độ không tải: 4500v/p	1	<b>2.753.000</b>








	BT70PA	<b>Máy xịt rửa áp lực cao</b> Công suất – 1400W Lưu lượng nước – 5.5lít / phút Áp lực tối đa – 105 bar Chiều dài cáp nguồn – 5m	1	<b>1.435.000</b>
	BT1600A	<b>Máy xịt rửa (dây đồng)</b> Áp lực : 90bar Công suất: 1600W Tốc độ không tải: 3750v/p	2	<b>1.995.000</b>
	BT2400	<b>Máy xịt rửa (dây đồng)</b> Áp lực : 90bar Công suất: 2400W Tốc độ không tải: 3750v/p	2	<b>2.067.000</b>
	CLA-1400-1	<b>Súng phun xịt áp lực</b>	10	<b>120.000</b>
	CLA-1400-2 CLA-1400-3	<b>Vòi xịt áp lực</b> CLA-1400-2 chiều dài 07m CLA-1400-3 chiều dài 15m	10	<b>194.000</b> <b>342.000</b>
	BGA-08 BGA-15	<b>Vòi xịt áp lực</b> BGA-08 chiều dài 08m BGA-15 chiều dài 15m	10	<b>86.000</b> <b>150.000</b>
	BT05GR	<b>Máy cân mực 5 tia xanh</b> * Tia ngang: 01 tia * Tia đứng: 04 tia * Dung lượng pin: 4000mAh * Khả năng xoay: 360 độ	6	<b>1.890.000</b>
	BT8106C8	<b>Bàn cắt gạch 800MM</b> Cắt song song & góc cạnh Cắt dây tới 14mm Chiều rộng đế kim loại: 170mm Lưỡi cắt: $\phi 22 * \phi 10.5 * 2MM$	2	<b>1.098.000</b>
	BT8102C8	<b>Bàn cắt gạch 800MM</b> Cắt song song & góc cạnh Cắt dây tới 14mm Chiều rộng đế kim loại: 170mm Kích thước bánh xe mang con lăn trong $22 * 6 * 2mm$	2	<b>1.306.000</b>
	BT8102C10	<b>Bàn cắt gạch 1000MM</b> Cắt song song & góc cạnh Cắt dây tới 14mm Chiều rộng đế kim loại: 170mm Kích thước bánh xe mang con lăn trong $22 * 6 * 2mm$	2	<b>1.438.000</b>

	Mã hàng	HIGH QUALITY	Đóng gói	Giá bán
	BT168F55	<b>Máy nổ 5.5HP</b> * Piston(mm) 68x45 * Dung tích xilanh(cc) 163 * Công suất: 5.5hp 	1	2.305.000
	BT168F65	<b>Máy nổ 6.5HP</b> * Piston(mm) 68x54 * Dung tích xilanh(cc) 196 * Công suất: 6.5hp 	1	2.340.000
	BT900ML	<b>Máy xới đất- Động cơ: 6.5HP</b> - Độ sâu xới: 15cm - 30cm - Khổ rộng xới: 80cm - 120cm - Truyền động: Xích và curoa - Hộp số sắt: Tiến 2, lùi 1 - Lưỡi xới: 4 cụm, 3 lưỡi/ cụm - Trọng lượng: 109kg 	1	7.650.000
	BT1000NL	<b>Máy xới đất - Động cơ: 6.5HP</b> - Độ sâu xới: 15cm - 30cm - Khổ rộng xới: 80cm - 120cm - Truyền động: Bánh răng - Hộp số sắt: Tiến 2, lùi 1 - Lưỡi xới: 4 cụm, 3 lưỡi/ cụm - Trọng lượng: 83kg 	1	8.797.000
	BT2500	<b>Máy phát điện</b> * Công suất định mức: 2.0 KVA * Công suất tối đa: 2.5KVA * Điện thế / pha: 230VAC / 1 pha * Kiểu khởi động: gạt tay 	1	5.465.000
	BT3200	<b>Máy phát điện</b> * Công suất định mức: 2.8 KVA * Công suất tối đa: 3.2KVA * Điện thế / pha: 230VAC / 1 pha * Kiểu khởi động: gạt tay 	1	5.965.000
	BT5500E	<b>Máy phát điện</b> * Công suất định mức: 5.0 KVA * Công suất tối đa: 5.5KVA * Điện thế / pha: 230VAC / 1 pha * Kiểu khởi động: Điện 	1	11.964.000
	BT6000CES	<b>Máy phát điện (diesel)</b> * Công suất định mức: 5.0 KVA * Công suất tối đa: 6.6KVA * Điện thế / pha: 230VAC / 1 pha * Kiểu khởi động: Điện 	1	22.106.000



	Mã hàng	Thông số	Đóng gói	Giá bán
	2008	<b>Máy khoan</b> Đường kính mũi: 10mm Công suất: 450W Tốc độ không tải: 0-2800 v/p	10	<b>420.000</b>
	2012	<b>Máy khoan</b> Đường kính mũi: 10mm Công suất: 450W Tốc độ không tải: 0-2800 v/p	10	<b>472.000</b>
	6017	<b>Máy khoan</b> Đường kính mũi: 13mm Công suất: 550W Tốc độ không tải: 0-2700 v/p	10	<b>572.000</b>
	6019	<b>Máy khoan</b> Đường kính mũi: 13mm Công suất: 710W Tốc độ không tải: 0-2700 v/p	10	<b>642.000</b>
	6018	<b>Máy khoan</b> Đường kính mũi: 13mm Công suất: 800W Tốc độ không tải: 0-2700 v/p	10	<b>686.000</b>
	6017 BMC	<b>Bộ máy khoan 120 món</b> Đường kính mũi: 13mm Công suất: 550W Tốc độ không tải: 0-2700 v/p	5	<b>790.000</b>
	8267	<b>Máy khoan búa</b> Đường kính mũi: 26mm Công suất: 800W Tốc độ không tải: 0-110v/p	5	<b>1.090.000</b>
	8268	<b>Máy khoan búa</b> Đường kính mũi: 26mm Công suất: 1010W Tốc độ không tải: 800 v/p	4	<b>1.296.000</b>
	8289	<b>Máy khoan búa</b> Đường kính mũi: 32mm Công suất: 1200W Tốc độ không tải: 840 v/p	2	<b>1.974.000</b>
	8423	<b>Máy đục</b> Đường kính mũi: 40mm Công suất: 1300W Tốc độ không tải: 0-500 v/p	3	<b>1.780.000</b>
	8809	<b>Máy đục</b> Đường kính mũi: 65mm Rated Input Power 1700W Tốc độ không tải: 1400 v/p	1	<b>3.054.000</b>





	1005B	<b>Máy mài</b> Đường kính đĩa: 100mm Công suất: 650W Tốc độ không tải: 11000 v/p	10	<b>474.000</b>
	1009	<b>Máy mài</b> Đường kính đĩa: 100mm Công suất: 650W Tốc độ không tải: 11000 v/p	10	<b>488.000</b>
	1031	<b>Máy mài (công tắc hồng)</b> Đường kính đĩa: 100mm Công suất: 750W Tốc độ không tải: 11000 v/p	10	<b>547.000</b>
	1032	<b>Máy mài (công tắc hồng)</b> Đường kính đĩa: 125mm Công suất: 950W Tốc độ không tải: 11000 v/p	10	<b>657.000</b>
	1002	<b>Máy mài</b> Đường kính đĩa: 100mm Công suất: 780W Tốc độ không tải: 11000 v/p	10	<b>542.000</b>
	1038	<b>Máy mài</b> Đường kính đĩa: 125mm Công suất: 1100W Tốc độ không tải: 11000 v/p	6	<b>714.000</b>
	1801	<b>Máy mài</b> Đường kính đĩa: 180mm Công suất: 2000W Tốc độ không tải: 6500 v/p	4	<b>1.530.000</b>
	5100	<b>Máy thổi</b> Lưu lượng: 3.5m <sup>3</sup> Công suất: 650W Tốc độ không tải: 0-15000 v/p	8	<b>447.000</b>
	4003	<b>Máy cắt gạch</b> Đường kính đĩa: 110mm Công suất: 1280W Tốc độ không tải: 13000 v/p	6	<b>756.000</b>
	1900	<b>Máy bào gỗ</b> Kính thước đế: 82x2mm Công suất: 570W Tốc độ không tải: 14500 v/p	6	<b>724.000</b>
	7005	<b>Máy cưa gỗ</b> Đường kính đĩa: 185mm Công suất: 1050W Tốc độ không tải: 5000 v/p	6	<b>896.000</b>
	7009	<b>Máy cưa gỗ</b> Đường kính đĩa: 185mm Công suất: 1400W Tốc độ không tải: 5000 v/p	4	<b>982.000</b>
	9003	<b>Máy cưa gỗ</b> Đường kính đĩa: 235mm Công suất: 2000W Tốc độ không tải: 4500 v/p	4	<b>1.528.000</b>

	6006	<b>Máy cưa lộng</b> Cắt gỗ: 65mm Công suất: 520W Tốc độ không tải: 500-2800v/p	6	<b>912.000</b>
	9025	<b>Máy chà nhám vuông</b> Kích cỡ : 110*100mm Công suất: 230W Tốc độ không tải: 3750v/p	10	<b>634.000</b>
	9035	<b>Máy chà nhám chữ nhật</b> Kích cỡ : 93*183mm Công suất: 230W Tốc độ không tải: 3750v/p	10	<b>650.000</b>
	1806	<b>Máy máy đánh bóng</b> Đường kính đĩa: 180mm Công suất: 2000W Tốc độ không tải: 0-3000v/p	4	<b>1.208.000</b>
	31255	<b>Máy cắt nhôm</b> Đường kính đĩa: 255mm Công suất: 1800W Tốc độ không tải: 4500v/p	1	<b>2.220.000</b>
	30355	<b>Máy Máy cắt sắt</b> Đường kính đĩa: 355mm Công suất: 2450W Tốc độ không tải: 3750v/p	1	<b>2.177.000</b>
	Kệ trưng bày	<b>Kích thước:</b> Cao 2.2m Rộng: 1.0m	1	<b>4.150.000</b>

	Mã hàng	Thông số	Đóng gói	Giá bán
	BGA152	<b>Máy nổ 2.5HP</b> * Động cơ 4 thì * Dung tích xilanh(cc) 97 * Công suất: 5.5hp	1	1.236.000
	BGA55RED	<b>Máy nổ 5.5HP</b> * Piston(mm) 68x45 * Dung tích xilanh(cc) 163 * Công suất: 5.5hp	1	1.596.000
	BGA65RED	<b>Máy nổ 6.5HP</b> * Piston(mm) 68x54 * Dung tích xilanh(cc) 196 * Công suất: 6.5hp	1	1.606.000
	BGA65HRE	<b>Máy nổ 6.5HP (cắt xéo)</b> * Piston(mm) 68x54 * Dung tích xilanh(cc) 196 * Công suất: 6.5hp	1	1.953.000
	BGA8.0RED	<b>Máy nổ 8.0HP</b> * Piston(mm) 73x58 * Dung tích xilanh(cc) 242 * Công suất: 8.0hp	1	3.449.000
	BGA2634F	<b>Máy cắt cỏ</b> * Động cơ: 2 thì: 0.75kw/7500v/p * Dung tích xi lanh: 25.6cc * Lưỡi cắt: Kim loại 2 cánh, nylon	4	1.573.000
	BGA3336F	<b>Máy cắt cỏ</b> * Động cơ: 2 thì: 1.1kw/6500v/p * Dung tích xi lanh: 32.8cc * Lưỡi cắt: Kim loại 2 cánh, nylon	4	1.728.000
	BGA4111F	<b>Máy cắt cỏ</b> * Động cơ: 2 thì: 1.5kw/5000v/p * Dung tích xi lanh: 40.2cc * Lưỡi cắt: Kim loại 2 cánh, nylon	4	1.827.000

	BGA5200CS	<b>Máy cưa xích (xăng)</b> * Động cơ: 2 thì; 2.2kw/7000v/p * Dung tích xi lanh: 52cc * Lưỡi cưa: 20" (50.8cm)	4	1.651.000
	BGA4500CS	<b>Máy cưa xích (xăng)</b> * Động cơ: 2 thì; 1.7kw/7000v/p * Dung tích xi lanh: 45cc * Lưỡi cưa: 20" (50.8cm)	4	1.611.000
	BGA950C	<b>Máy phát điện</b> * Công suất định mức: 650 VA * Công suất tối đa: 800VA * Điện thế / pha: 230VAC / 1 pha * Kiểu khởi động: Giật tay	1	2.169.000
	BGA1500	<b>Máy phát điện</b> * Công suất định mức: 1.2 KVA * Công suất tối đa: 1.5KVA * Tần số: 50 Hz (3000 v/p) * Điện thế / pha: 230VAC / 1 pha * Kiểu khởi động: Giật tay	1	3.206.000
	BGA2500G	<b>Máy phát điện</b> * Công suất định mức: 2.0 KVA * Công suất tối đa: 2.2KVA * Tần số: 50 Hz (3000 v/p) * Điện thế / pha: 230VAC / 1 pha * Kiểu khởi động: Giật tay	1	3.760.000
	BGA2500E Khởi động Điện	<b>Máy phát điện</b> * Công suất định mức: 2.0 KVA * Công suất tối đa: 2.2KVA * Tần số: 50 Hz (3000 v/p) * Điện thế / pha: 230VAC / 1 pha * Kiểu khởi động: Điện/Giật tay	1	4.570.000
	BGA3800	<b>Máy phát điện</b> * Công suất định mức: 2.8 KVA * Công suất tối đa: 3.0KVA * Tần số: 50 Hz (3000 v/p) * Điện thế / pha: 230VAC / 1 pha * Kiểu khởi động: Giật tay	1	4.325.000
	BGA3800E Khởi động Điện	<b>Máy phát điện</b> * Công suất định mức: 2.8 KVA * Công suất tối đa: 3.0KVA * Tần số: 50 Hz (3000 v/p) * Điện thế / pha: 230VAC / 1 pha * Kiểu khởi động: Điện/Giật tay	1	5.167.000
	BGA1023	<b>Đầu phun áp lực xịt rửa</b> * Piston: 3x22 * Mô tơ: 1.5 -2.0 HP * Lưu lượng nước: 14-22 L/p * Vòng tua: 800 -1200v/p	1	980.000
	BGA1030	<b>Đầu phun áp lực xịt rửa</b> * Piston: 3x30 * Mô tơ: 3-5 HP * Lưu lượng nước: 33-40 L/p * Vòng tua: 800 -1000v/p	1	1.250.000

	BGA-8.5W	<b>Vòi phun áp lực</b> * kích thước: 8.5mm x 50m * Chất liệu PVC và sợi cotton * Áp lực tối đa 120kg/cm <sup>2</sup>	2	<b>513.000</b>
	BGA-8.5Y	<b>Vòi phun áp lực</b> * kích thước: 8.5mm x 50m * Chất liệu PVC và sợi cotton * Áp lực tối đa 120kg/cm <sup>2</sup>	2	<b>441.000</b>
	BGA65210-10	<b>Vòi phun áp lực</b> * kích thước: 6.5mm x 10m <span style="color: red; font-weight: bold;">new</span> * Chất liệu PVC và sợi cotton * Áp lực tối đa 210bar	16	<b>105.000</b>
	BGA65210-20	<b>Vòi phun áp lực</b> * kích thước: 6.5mm x 20m * Chất liệu PVC và sợi cotton * Áp lực tối đa 210bar	8	<b>185.000</b>
	BGA65210-30	<b>Vòi phun áp lực</b> * kích thước: 6.5mm x 30m * Chất liệu PVC và sợi cotton * Áp lực tối đa 210bar	4	<b>265.000</b>
	BGA65210-50	<b>Vòi phun áp lực</b> * kích thước: 6.5mm x 50m * Chất liệu PVC và sợi cotton * Áp lực tối đa 210bar	2	<b>426.000</b>
	BGA85210-10	<b>Vòi phun áp lực</b> * kích thước: 8.5mm x 50m * Chất liệu PVC và sợi cotton * Áp lực tối đa 210bar	16	<b>127.000</b>
	BGA85210-20	<b>Vòi phun áp lực</b> * kích thước: 8.5mm x 20m * Chất liệu PVC và sợi cotton * Áp lực tối đa 210bar	8	<b>221.000</b>
	BGA85210-30	<b>Vòi phun áp lực</b> * kích thước: 8.5mm x 30m * Chất liệu PVC và sợi cotton * Áp lực tối đa 210bar	4	<b>320.000</b>
	BGA85210-50	<b>Vòi phun áp lực</b> * kích thước: 8.5mm x 30m * Chất liệu PVC và sợi cotton * Áp lực tối đa 210bar	2	<b>520.000</b>
	BGA2010	<b>Máy bơm nước (xách tay)</b> * Công suất cực đại: 3.5HP * Đường kính ống : 25.4mm (1in) * Tổng cột áp: 32 m	1	<b>1.989.000</b>

	BGA2020	<b>Máy bơm nước</b> * Công suất cực đại: 6.5H, * Đường kính ống : 50mm (2in) * Tổng cột áp: 32 m	1	2.255.000
	BGA2030	<b>Máy bơm nước</b> * Công suất cực đại: 6.5H, * Đường kính ống : 80mm (3in) * Tổng cột áp: 23 m	1	2.350.000
	BGA520	<b>Máy khoan đất</b> * Động cơ: 2 thì; 1.45kw/6500v/p * Dung tích xi lanh: 51.7cc * Trọng lượng: 15kg	1	1.975.000
	BGA20C	<b>Máy phun thuốc (cần ren sắt)</b> * Chạy điện 8VA * Dung tích bình chứa thuốc: 20L * Trọng lượng: 4.3kg	1	735.000